

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 61/2025/DS-PT

Ngày 04-4-2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm 83/2024/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số B N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số B N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Trần Chí T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thiện Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số B N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Ông Trần Chí T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số C N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

4. Ông Trần Chí T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số G N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Chí T – Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc P trình bày:

Cha ông tên Trần Cang L, sinh năm 1931, mất năm 2008 (không để lại di chúc). Mẹ ông tên Trần Thị Q, sinh năm 1937, mất năm 2018 (không để lại di chúc). Cha mẹ ông sinh được 06 người con gồm: Trần Ngọc P, Trần Thiện Đ, Trần Việt H1, Trần Thị Diệu H, Trần Chí T1 và Trần Chí T.

Năm 2019, bà Trần Thị Diệu H đại diện theo ủy quyền của anh em làm thủ tục chuyển nhượng phần thừa kế của mẹ các ông, bà là bà Trần Thị Q đối với thửa đất tại số E T, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh với giá tiền 1.900.000.000 đồng. Số tiền này được chia cho 05 người thừa kế hàng thứ nhất của bà ngoại các ông bà (trong đó có mẹ các ông bà), mỗi phần được 380.000.000 đồng.

Ngày 22-02-2021, bà H cũng đại diện các anh em ký hợp đồng bán căn nhà số E T, Phường C, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh (là di sản thừa kế của mẹ các ông bà) với giá 1.920.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế của mẹ các ông bà để lại là 380.000.000 đồng + 1.920.000.000 đồng = 2.300.000.000 đồng, chia cho 6 anh chị em thì mỗi người được khoảng 380.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, bà H đã chiếm đoạt luôn phần của ông P.

Vào đầu năm 2022, các anh em trong gia đình có chuyển nhượng một phần đất được thừa kế của cha là ông Trần Cang L tại xã T, thành phố B với giá 27.500.000.000 đồng. Sau khi chia đều cho 6 anh em thì các anh em thống nhất trích ra mỗi người 400.000.000 đồng, tổng cộng 2.400.000.000 và giao cho bà H gửi vào Ngân hàng, tiền lãi sẽ được dùng vào các công việc chung trong gia đình như xây tường rào, lót sân, sơn sửa nhà, phụng tự của cha mẹ và giỗ chạp, từ tết trong gia đình. Tổng số tiền bà H còn giữ của ông là 780.000.000 đồng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại cho ông số tiền 780.000.000 đồng nêu trên.

Trong quá trình làm việc ở cấp sơ thẩm, ông P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 380.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả lại cho ông số tiền 400.000.000 đồng và chia cho ông 1 của số tiền lãi 100.000.000 đồng là 16.000.000 đồng (làm tròn).

Bị đơn bà Trần Thị Diệu H và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Chí T trình bày:

Bà H là em ruột của ông Trần Ngọc P. Cha mẹ bà H có tất cả 06 người con, gồm: Trần Ngọc P, Trần Thiện Đ, Trần Việt H1, Trần Thị Diệu H, Trần Chí T1 và Trần Chí T.

Cha của các ông bà tên Trần Cang L, sinh năm 1931, mất năm 2008. Mẹ tên Trần Thị Q, sinh năm 1937, mất năm 2018.

Năm 2019, bà Trần Thị Diệu H thay mặt anh em làm thủ tục bán phần thừa kế của mẹ là bà Trần Thị Q. Ngày 28-8-2020 bà H đại diện cho anh em và bà Trần Thị L1 đại diện cho các cậu, di hiện định cư tại Mỹ (có ủy quyền cho bà L1) tiến hành giao dịch mua bán thừa đất như sau:

Thừa đất số 415 tờ bản đồ số 6 địa chỉ E T, phường C, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh, với giá tiền 1.900.000.000 đồng được chia ra 05 phần thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất mỗi phần khoảng 380.000.000 đồng nhưng trừ chi phí dịch vụ thực tế mỗi người còn được hưởng 350.000.000 đồng. Anh em đều được nhận số tiền 350.000.000 đồng. Còn phần của ông Trần Ngọc P thì ông P cho ông cậu định cư ở Mỹ tên là Trần Văn T2 (em của mẹ) và đề nghị bà H chuyển tiền này cho ông T2 nên khoản tiền này bà H không còn giữ.

Năm 2022, các anh em bán đất ở T được 27.500.000.000 đồng. Trong số 27.500.000.000 đồng thì các anh em tách thành 02 phần: Phần thứ nhất là 27.000.000.000 đồng; phần thứ hai là 500.000.000 đồng. Trong 500.000.000 đồng này thì trích 80.000.000 đồng mua đồ cúng ông bà tổ tiên, 420.000.000 đồng còn lại chia đều cho 06 anh em mỗi người được 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền 27.000.000.000 đồng chia đều cho tất cả 06 anh chị em mỗi người 04 tỷ, còn 03 tỷ các anh chị em thỏa thuận thống nhất cho các cô di chú bác tổng cộng hết 600.000.000 đồng, còn 2.400.000.000 đồng (tương đương mỗi người 400.000.000 đồng) các anh chị em đồng ý giao cho bà Trần Thị Diệu H gửi ở Ngân hàng đây là tiền để lại của gia đình làm tôn tạo nhà thờ, cúng đơm hoặc khi có việc chung của gia đình thì dùng số tiền đó để sử dụng và được sự đồng ý của 06 anh chị em. Hiện tại số tiền này vẫn còn ở trong Ngân hàng, tiền gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16-8-2024 là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 2.500.000.000 đồng.

Việc ông P đồng ý để số tiền 350.000.000 đồng cho ông cậu T2 không lập thành văn bản nhưng có tất cả các anh chị em chứng kiến, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị B và em bà B là ông Nguyễn Việt H2 (02 người này là anh chị họ) chứng kiến. Số tiền này bản thân ông P đã từ chối nhận từ khi chưa lấy tiền về chia cho các anh chị em. Sau khi Bản án có hiệu lực thì bán nhà lấy tiền chia các

anh chị em ai cũng nhận, riêng ông P và ông Đ từ chối nhận (việc từ chối không thể hiện bằng văn bản). Bà H giữ số tiền này khoảng 01 năm sau, ngày đám giỗ cha (tức giỗ ông L) các anh chị em và cậu T2 đều có mặt. Ông T2 than vãn bị lừa lọc khổ sở, lúc này ông P mới bảo số tiền 350.000.000 đồng đó của ông cho ông cậu T2, vì lúc này các anh chị em mỗi người mới nhận 04 tỷ nên số tiền trên ông P cũng không cần. Như vậy, số tiền này bà H đã giao cho cậu T2 theo đề nghị của ông P.

Còn khoản tiền 2.400.000.000 đồng là tiền chung của 06 anh chị em giao cho bà H tiếp tục quản lý để lo việc chung của gia đình. Hiện nay số tiền này bà H còn gửi trong Ngân hàng, tổng cả gốc và lãi là 2.500.000.000 đồng. Ông P yêu cầu lấy số tiền này thì các anh chị em không đồng ý. Vì đây là khoản tiền để phục vụ chung cho gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí T và Trần Chí T1 trình bày:

Các ông thống nhất với ý kiến của bà H. Đây là khoản tiền chung sau khi chia tài sản của cha mẹ để lại nên không được lấy mà để phục vụ việc chung của gia đình. Quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ của từng người. Do đó, các ông không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Các ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thiện Đ trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của ông P là đúng. Số tiền 2.400.000.000 đồng là tất cả 06 anh chị em mỗi người trích ra 400.000.000 đồng để làm quỹ chung của gia đình và gửi tại Ngân hàng giao cho bà H quản lý, tiền lãi có được sẽ dùng vào việc chung của gia đình. Tuy nhiên, bà H không rõ ràng trong việc chi tiêu. Hiện tại cả tiền gốc và lãi là 2.500.000.000 đồng. Trước đây, ông cũng yêu cầu được rút phần của ông nhưng tại phiên tòa ông vẫn không có yêu cầu gì đối với khoản tiền trên. Khi nào có nhu cầu thì ông khởi kiện thành vụ án khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, ông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Việt H1 trình bày:

Bản thân ông thì không có ý kiến gì, vì đây là việc chung ai cũng đồng ý nên mới thực hiện. Việc ông P, ông Đ muốn chia ra thì đó quyền của 02 ông. Nếu tất cả anh chị em để khoản tiền đó vào mục đích sử dụng chung thì ông đồng ý. Trong vụ án, ông không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 83/2024/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P đối với số tiền ông P yêu cầu bà H trả lại là 380.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P về việc “*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung*” với bị đơn bà Trần Thị Diệu H.

3. Xác định số tiền 2.400.000.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu chung theo phần của ông Trần Ngọc P, ông Trần Thiện Đ, ông Trần Việt H1, ông Trần Chí

T1, bà Trần Thị Diệu H, ông Trần Chí T. Số tiền 100.000.000 đồng là lợi tức phát sinh từ tài sản chung.

4. Ông Trần Ngọc P được nhận lại số tiền 400.000.000 đồng và được hưởng số tiền 16.000.000 đồng tiền lãi. Buộc bà Trần Thị Diệu H phải giao lại cho ông Trần Ngọc P tổng cộng là 416.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Chí T có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn (do ông Trần Chí Trung đại D) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì số tiền 400.000.000 đồng cả 06 anh chị em trong gia đình đã thống nhất giữ lại để thực hiện các công việc chung trong gia đình như sửa chữa nhà thờ tự, làm thủ tục giấy tờ đất đai do cha mẹ để lại, làm đám giỗ cho ông bà, cha mẹ. Ông P đang ở căn nhà do cha mẹ để lại nên phải có nghĩa vụ đóng góp tiền để làm những việc chung trong gia đình.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện bị đơn nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thiện Đ vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự này.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

[2.1] Trong vụ án này, nguyên đơn ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Diệu H trả lại số tiền 416.000.000 đồng, gồm 400.000.000 đồng là tiền gốc và 16.000.000 đồng là tiền lãi ngân hàng phát sinh trên số tiền gốc. Theo nguyên đơn, nguồn gốc số tiền 400.000.000 đồng như sau: Năm 2022, các đồng thừa kế của ông Trần Cang L (gồm 06 người con là các đương sự trong vụ án này) cùng chuyển nhượng thửa đất là di sản thừa kế của cha để lại được 27.500.000.000 đồng. Sau khi 06 anh chị em thỏa thuận phân chia số tiền trên thì tất cả đều đồng ý trích lại mỗi người 400.000.000 đồng, để làm quỹ chung trong gia đình, sử dụng vào việc sửa chữa nhà của cha mẹ để lại, giỗ tết và làm giấy tờ các thửa đất khác mà cha mẹ để lại. Tổng cộng số tiền chung chưa chia này là 2.400.000.000 đồng. Số tiền này tất cả các anh chị em thống nhất giao cho bà H quản lý bằng cách gửi vào Ngân hàng. Tiền lãi thu được sẽ dùng cho những việc nêu trên.

[2.2] Lời khai trên của ông P được các đương sự còn lại xác nhận là đúng. Do vậy, đủ căn cứ xác định số tiền 2.400.000.000 đồng trên là tài sản chung theo phần chưa chia của 06 anh em gồm: Ông Trần Ngọc P; ông Trần Thiện Đ; ông Trần Việt H1; bà Trần Thị Diệu H; ông Trần Chí T1 và ông Trần Chí T. Trong đó, phần của mỗi người trong số tài sản chung trên là 400.000.000 đồng.

[2.3] Căn cứ theo Điều 209 Bộ luật Dân sự 2015 thì: *“1. Sở hữu chung theo phần là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu được xác định đối với tài sản chung. 2. Mỗi chủ sở hữu chung theo phần có quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thuộc sở hữu chung tương ứng với phần quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định; *“Trường hợp sở hữu chung có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung”*.

Do vậy, việc ông P yêu cầu chia cho ông P số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi là 16.000.000 đồng trong số tiền là tài sản chung của 06 anh em là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định này.

[2.4] Đối với ý kiến của bị đơn và ông T1, ông H1, ông T về việc ông P phải có nghĩa vụ đóng góp tiền để thực hiện những công việc chung trong gia đình như sửa chữa nhà thờ tự, làm giấy tờ đất đai của cha mẹ để lại hay làm đám giỗ cho ông bà, cha mẹ: Trong vụ án này, các đương sự không yêu Tòa án giải quyết về một khoản nghĩa vụ chung cụ thể nào, cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ về những khoản nghĩa vụ chung đã thực hiện mà chưa được các anh em trong gia

đình đóng góp. Do vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác

[2.5] Đối với phần tiền của ông T1, ông Đ, ông H1 và ông T trong số tài sản chung nêu trên, do các đương sự này không có yêu cầu phân chia nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án chia tài sản chung nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền được chia, nhưng do ông P là người cao tuổi nên được miễn án phí. Cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông P là không đúng quy định pháp luật nên sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Chí T, sửa phần án phí, giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 228, 229, 266, 271, 273 và 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ vào các điều 207, 208, 209, 212, 216, 217, 218 và Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P về việc yêu cầu bà Trần Thị Diệu H trả lại 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P về việc “*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung*” đối với bà Trần Thị Diệu H:

2.1. Xác định số tiền 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng là tài sản thuộc sở hữu chung theo phần của ông Trần Ngọc P, ông Trần Thiện Đ, ông Trần Việt H1, ông Trần Chí T1, bà Trần Thị Diệu H và ông Trần Chí T. Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là lợi tức phát sinh từ tài sản chung trên.

2.2. Ông Trần Ngọc P được nhận lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và được hưởng số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng tiền lãi.

Buộc bà Trần Thị Diệu H phải giao lại cho ông Trần Ngọc P tổng số tiền 416.000.000 (bốn trăm mười sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Ông Trần Ngọc P được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Diệu H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0003461 ngày 18-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04-4-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. B, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. B, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp. B, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Minh Vỹ

